

Số: 77/2025/QĐST- HNGĐ

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 74/2026/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Y N, sinh ngày 21/11/2000; CCCD số 062300000424;

- Bị đơn: Anh A X, sinh ngày 16/04/1996;

CCCD số 062096007828;

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Y N và anh A X.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y N và anh A X thoả thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung là Y H, sinh ngày 06/05/2016. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, giao cháu Y H cho chị Y N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được. Anh A X không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh A X có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Không được lợi dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Khi cần thiết, vì lợi ích con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Y N tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001827 ngày 28/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Hoàn trả lại cho chị Y N số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí còn thừa theo biên lai thu tiền nói trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 9 - Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 9 - Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trịnh Thị Bình Thanh